# Thông báo Chính sách giá bán và trang bị tùy chọn các dòng xe ô tô điện VinFast Việt Nam

***Mã văn bản: 20250930_ThongbaoCSgiabanvatrangbituychonotoVinFastVN***

**Công ty TNHH kinh doanh thương mại và dịch vụ VinFast xin thông báo Chính sách giá bán và trang bị tùy chọn các dòng xe ô tô điện VinFast tại Việt Nam đến Quý khách hàng.**

1. **Thời gian áp dụng:** Áp dụng từ ngày 01/10/2025.
2. **Đối tượng áp dụng:** Tất cả Khách hàng mua xe ô tô điện VinFast tại thị trường Việt Nam.
3. **Quy định chi tiết:**
   A. **Giá bán xe và tiền cọc pin:**

| **Dòng xe** | **Phiên bản** | **Giá bán MSRP kèm pin (bao gồm VAT)** | | |
|---|---|---|---|---|
| | | **Tiêu chuẩn 2** (sản xuất sau ngày SOP 2) | **Tiêu chuẩn 1** (sản xuất sau ngày SOP 1) | **Nâng cấp** (sản xuất trước ngày SOP) |
| **VF 3** | | | 299.000.000 VNĐ | |
| **VF 5** | Plus | | 529.000.000 VNĐ | |
| **VF 6** | Eco | | 689.000.000 VNĐ | 694.000.000 VNĐ |
| | Plus | 745.000.000 VNĐ | 749.000.000 VNĐ | 759.000.000 VNĐ |
| **VF 7** | Eco | 789.000.000 VNĐ | 799.000.000 VNĐ | |
| | Plus - trần thép | 889.000.000 VNĐ | 949.000.000 VNĐ | 999.000.000 VNĐ |
| | Plus - trần kính | 909.000.000 VNĐ | 969.000.000 VNĐ | 1.019.000.000 VNĐ |
| **VF 8 – pin CATL** | Eco | | 1.019.000.000 VNĐ | 1.069.000.000 VNĐ |
| | Plus | | 1.199.000.000 VNĐ | |
| **VF 9 - pin CATL, điều hòa 3 vùng** | Eco | | 1.499.000.000 VNĐ | |
| | Plus - trần thép | | 1.699.000.000 VNĐ | |
| **Minio Green** | | | 269.000.000 VNĐ | |
| **EC Van** | Tiêu chuẩn | | 285.000.000 VNĐ | |
| | Nâng cao | | 305.000.000 VNĐ | |
| **Herio Green** | | | 499.000.000 VNĐ | |
| **Nerio Green** | | | 668.000.000 VNĐ | |
| **Limo Green** | | | 749.000.000 VNĐ | |

***Lưu ý:***

- Đối với khách hàng đã đặt cọc từ trước mà chưa nhận xe, khách hàng có quyền lựa chọn một trong các chính sách có hiệu lực từ thời điểm đặt cọc đến thời điểm xuất hóa đơn.
- Đối với các đơn hàng đặt cọc trước 12 giờ ngày 12/03/2025 và đã có tên Khách hàng cuối mua xe được mua xe bản nâng cấp theo giá cũ (giá bản tiêu chuẩn 1).
- Kế hoạch SOP bản tiêu chuẩn 1 của các dòng xe:

| **Dòng xe** | **VF 6 Eco & Plus** | **VF 7 Plus** | **VF 8 Eco** |
|---|---|---|---|
| Ngày SOP bản tiêu chuẩn 1 | 10/03/2025 | 15/04/2025 | 28/02/2025 |

- Kế hoạch SOP bản tiêu chuẩn 2 của các dòng xe:

| **Dòng xe** | **VF 6 Plus** | **VF 7 Eco & VF7 Plus AWD** | **VF7 Plus FWD** |
|---|---|---|---|
| Ngày SOP bản tiêu chuẩn 2 | 01/10/2025 | 01/10/2025 | 10/12/2025 |

**B. Giá bộ sạc tại nhà, trang bị & màu tùy chọn:**

**1. Giá bộ sạc tại nhà:**

| **Trang bị sạc tại nhà** | **Dòng xe sử dụng** | **Giá trang bị (bao gồm VAT)** |
|---|---|---|
| Bộ sạc cầm tay với công suất 2,2 kW | VF 3 | 4.000.000 VNĐ |
| Bộ sạc cầm tay OBC | | 6.000.000 VNĐ |
| Bộ sạc với công suất AC 7,4 kW | VF 5, VF 6, VF e34, VF 7 Eco | 11.000.000 VNĐ |
| Bộ sạc với công suất AC 11 kW | VF 7 Plus, VF 8, VF 9 | 12.000.000 VNĐ |

**2. Trang bị tùy chọn:**

| **Trang bị** | **VF 9 Plus** | **VF 7 Eco** | **VF 7 Plus tiêu chuẩn** |
|---|---|---|---|
| 6 chỗ ghế cơ trưởng | 32.000.000 VNĐ | | |
| Hiển thị thông tin trên kính chắn gió (HUD) | | 10.000.000 VNĐ | |
| Hai cầu (AWD, 2 động cơ) | | | 50.000.000 VNĐ |

**3. Giá màu ngoại thất:**

| Màu ngoại thất | VF 3 | VF 5 Plus | VF 6 Eco & Plus | VF 7 Eco & Plus | VF 8 Eco & Plus | VF 9 Eco & Plus | Minio Green |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Trắng (Infinity Blanc) | Tiêu chuẩn | Tiêu chuẩn | Tiêu chuẩn | Tiêu chuẩn | Tiêu chuẩn | Tiêu chuẩn | |
| Đen (Jet Black) | | | Tiêu chuẩn | Tiêu chuẩn | Tiêu chuẩn | Tiêu chuẩn | Tiêu chuẩn |
| Xám (Zenith Grey) | Tiêu chuẩn | Tiêu chuẩn | Tiêu chuẩn | Tiêu chuẩn | | Tiêu chuẩn | |
| Đỏ (Crimson Red) | Tiêu chuẩn | Tiêu chuẩn | Tiêu chuẩn | Tiêu chuẩn | Tiêu chuẩn | Tiêu chuẩn | Tiêu chuẩn |
| Xanh lá nhạt (Urban Mint) | 8.000.000 VNĐ | 8.000.000 VNĐ | 8.000.000 VNĐ | 12.000.000 VNĐ | | Tiêu chuẩn | |
| Vàng (Summer Yellow) | | | | | | | Tiêu chuẩn |
| Vàng (Summer Yellow) + Nóc trắng | 8.000.000 VNĐ | | | | | | |
| Xanh Dương (Sky Blue) + Nóc trắng | 8.000.000 VNĐ | 8.000.000 VNĐ | | | | | |
| Hồng (Rose Pink) + Nóc trắng | 8.000.000 VNĐ | | | | | | |
| Vàng (Summer Yellow) + Nóc đen | | 8.000.000 VNĐ | | | | | |
| Bạc (Desat Silver) | | | | | | 12.000.000 VNĐ | Tiêu chuẩn |
| Xanh lá đậm (Ivy Green) | | | | | Tiêu chuẩn | 12.000.000 VNĐ | |
| Hồng (Rose metallic) | | | | | | | 8.000.000 VNĐ |
| Xanh lá (Tropical Jade) | | | | | | | 8.000.000 VNĐ |
| Đen (Jet Black) + Nóc vàng | | | | | | | 3.000.000 VNĐ |
| Đỏ (Crimson Red) + Nóc trắng | | | | | | | 3.000.000 VNĐ |
| Bạc (Desat Silver) + Nóc đen | | | | | | | 3.000.000 VNĐ |
| Vàng (Summer Yellow) + Nóc trắng | | | | | | | 3.000.000 VNĐ |
| Hồng (Rose metallic) + Nóc trắng | | | | | | | 11.000.000 VNĐ |
| Hồng (Rose metallic) + Nóc xanh GSM | | | | | | | 11.000.000 VNĐ |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Xanh lá (Tropical Jade) + Nóc trắng | | | | | | | 11.000.000 VNĐ |
| Xanh lá (Tropical Jade) + Nóc vàng | | | | | | | 11.000.000 VNĐ |
| Trắng (Infinity Blanc) + Nóc xám | | | | | 12.000.000 VNĐ | | |
| Đen (Jet Black) + Nóc đồng | | | | | 12.000.000 VNĐ | | |
| Đỏ (Crimson Red) + Nóc đồng | | | | | 12.000.000 VNĐ | | |
| Xám (Zenith Grey) + Nóc bạc | | | | | 12.000.000 VNĐ | | |

**C. Tính năng khách nhau cơ bản giữa phiên bản tiêu chuẩn và nâng cấp:**

| Dòng xe | Nâng cấp | Tiêu chuẩn |
|---|---|---|
| VF 6 Eco | Có: Bọc vô lăng; Tay nắm trần, tấm ốp nhựa sau lưng hàng ghế trước, gạt mưa tự động, đèn bật/tắt tự động, hỗ trợ đỗ xe phía trước (cảm biến trước), … | Không có |
| VF 6 Plus | Có: Làm mát ghế lái và làm mát ghế hành khách phía trước, ghế hành khách phía trước chỉnh điện, hỗ trợ đỗ xe phía trước (cảm biến trước), … | Không có |
| | 6 cảm biến sau | 4 cảm biến sau |
| VF 7 Plus – trần thép | 2 cầu (AWD) | 1 cầu (FWD) |
| VF 7 Plus – trần kính | 2 cầu (AWD) | 1 cầu (FWD) |
| VF 8 Eco | 2 cầu (AWD) | 1 cầu (FWD) |

**Vui lòng liên hệ Showroom Đại lý Phân Phối để có thêm thông tin chi tiết.**

**Hotline: 1900 23 23 89**